

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON.

Vốn điều lệ: 457.228.540.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
	Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên
	Ông Takano Satoshi	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

BAN GIÁM ĐỐC	Ông Trần Trọng Thắng	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Giám đốc Kỹ thuật
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Giám đốc Kế hoạch & Thiết bị
	Ông Nguyễn Văn Thanh	Giám đốc Kinh doanh
	Ông Lê Dũng	Giám đốc khối QLTC (miễn nhiệm ngày 18/05/2016)
	Ông Đỗ Trần Nam	Giám đốc Phát triển thị trường nước ngoài (miễn nhiệm ngày 27/01/2016)
	Ông Tạ Công Thanh Vinh	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 25/6/2016)
	Ông Haruo Ishiguro	Giám đốc Marketing
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Giám đốc Truyền thông

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Trọng Thắng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Số: 542/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2016, từ trang 04 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Ngọc An****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.681.271.643.845	1.516.214.320.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	89.284.444.000	156.918.976.433
1. Tiền	111		89.284.444.000	153.224.817.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.694.158.981
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		646.800.000	646.800.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		646.800.000	646.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.022.377.478.997	934.583.506.312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	805.497.986.572	793.147.345.696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	127.449.992.956	89.152.940.202
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	92.581.786.486	55.435.507.431
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.152.287.017)	(3.152.287.017)
IV. Hàng tồn kho	140		440.535.003.678	299.567.957.501
1. Hàng tồn kho	141	5.6	440.535.003.678	299.567.957.501
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		128.427.917.170	124.497.079.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	796.694.182	791.539.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.15	34.402.035.778	21.497.104.612
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	915.960	60.684.580
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		93.228.271.250	102.147.751.538
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.000.958.819.921	931.875.700.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.510.000.000	2.760.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.510.000.000	2.760.000.000
II. Tài sản cố định	220		449.629.375.027	439.277.319.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	203.991.688.822	185.372.301.848
- Nguyên giá	222		343.918.516.640	312.263.981.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.926.827.818)	(126.891.680.083)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	171.200.303.019	178.522.228.517
- Nguyên giá	225		222.132.853.035	222.132.853.035
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(50.932.550.016)	(43.610.624.518)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	74.437.383.186	75.382.788.665
- Nguyên giá	228		80.849.342.466	80.849.342.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.411.959.280)	(5.466.553.801)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.245.189.427	24.599.605.725
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	50.245.189.427	24.599.605.725
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	480.225.051.752	449.970.801.752
1. Đầu tư vào công ty con	251		240.328.801.752	237.428.801.752
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		148.542.000.000	148.542.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		91.354.250.000	64.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.349.203.715	15.267.973.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	18.349.203.715	15.267.973.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.682.230.463.766	2.448.090.020.350

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	MS	TM	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.016.529.964.295	1.755.088.216.429
I. Nợ ngắn hạn	310		1.351.045.248.963	1.213.397.098.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	555.794.156.782	405.165.276.659
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	199.174.419.264	179.202.775.864
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	9.591.450.642	16.173.025.534
4. Phải trả người lao động	314		6.399.039.565	1.535.765.056
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	108.248.668.432	172.409.566.063
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.038.400	40.038.400
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	59.786.455.715	32.053.411.934
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	411.033.859.014	406.817.238.892
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		977.161.149	-
II. Nợ dài hạn	330		665.484.715.332	541.691.118.027
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		466.610.324	466.610.324
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	165.018.105.008	173.139.507.703
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.19	500.000.000.000	368.085.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		665.700.499.471	693.001.803.921
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	665.700.499.471	693.001.803.921
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		457.228.540.000	457.228.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.199.476.401	62.896.154.025
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.733.499.249	138.338.126.075
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.704.398.953	37.731.481.322
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.029.100.296	100.606.644.753
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.682.230.463.766	2.448.090.020.350
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Phan

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

maur

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc ✓



Trần Trọng Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	590.932.218.212	457.319.243.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	590.932.218.212	457.319.243.060
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	491.958.083.651	371.972.413.212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		98.974.134.561	85.346.829.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	33.816.762.601	19.517.969.339
7. Chi phí tài chính	22	5.24	58.551.843.416	24.218.690.563
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.449.388.461	22.610.462.474
8. Chi phí bán hàng	25	5.25	4.098.632.432	5.030.098.266
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	34.914.861.996	28.940.138.907
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		35.225.559.318	46.675.871.451
11. Thu nhập khác	31	5.26	2.806.968.851	21.505.405.144
12. Chi phí khác	32	5.26	784.396.566	24.394.865.269
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	2.022.572.285	(2.889.460.125)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		37.248.131.603	43.786.411.326
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	7.219.031.307	6.141.558.322
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.029.100.296	37.644.853.004

Người lập biểu

Phan

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

maur

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Trọng Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a-DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.248.131.603	43.786.411.326
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		21.552.478.712	27.710.631.738
- Các khoản dự phòng	03		-	(508.546.429)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.517.590.345)	(19.563.423.884)
- Chi phí lãi vay	06		33.449.388.461	22.610.462.474
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.732.408.431	74.035.535.225
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(100.389.135.231)	164.462.356.483
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(140.967.046.177)	(140.866.478.189)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		90.461.937.384	(186.937.417.159)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.086.385.030)	(3.277.088.473)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.449.388.461)	(22.610.462.474)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.815.389.910)	(29.909.665.479)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	19.097.249.607
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.524.885.116)	(38.415.972.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(130.037.884.110)	(164.421.942.732)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.550.980.607)	(75.905.731.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		771.107.909	21.316.283.210
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.694.158.981	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.873.231.250)	(114.174.280.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.900.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.452.079.217	19.517.969.339
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.606.865.750)	(142.245.759.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		524.766.336.248	510.058.003.820
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(374.372.906.960)	(202.312.154.127)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(22.383.211.861)	(19.364.263.364)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128.010.217.427	288.381.586.329
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(67.634.532.433)	(18.286.115.784)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		156.918.976.433	153.833.947.963
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		89.284.444.000	135.547.832.179

Người lập biểu

Phan Vương Cường

Phan Vương Cường

Kế toán trưởng

Trương Tuấn Tú

Trương Tuấn Tú

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc ✓
CÔNG TY
CỔ PHẦN
FECON
TP. HÀ NỘI - VIỆT NAM
Trần Trọng Thắng
Trần Trọng Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON.

Vốn điều lệ: 457.228.540.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 18/7/2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: FCN.

Số lao động bình quân trong kỳ :731 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Viện nền móng và Công trình ngầm	Xây dựng, nghiên cứu	100%	100%
Công ty Cổ phần Fecon Miltec	Sản xuất	50,29%	50,29%
Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour	Thi công, Xây lắp công trình	51,18%	51,18%
Trường THPT Ý Yên	Đào tạo	38,12%	67,74%
Công ty Cổ phần Công trình Ngầm FECON	Thi công, Xây lắp công trình	58,52%	51%
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	Thi công, Xây lắp công trình	63,89%	51%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp thông minh FECON	Kinh doanh trồng trọt, chăn nuôi, chế biến	62,77%	62,77%
Công ty Liên kết			
Công ty CP Khoáng sản FECON	Sản xuất, thương mại	36,09%	36,09%